

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI HIỆN NAY

PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng, TS. Nguyễn Việt Tuấn, TS. Nguyễn Nho Dũng

*Trường Đại học TDTT Đà Nẵng*

**Tóm tắt:** Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, nghiên cứu đã phân tích thực trạng công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng giai đoạn 2011 đến 2018. Kết quả nghiên cứu bao gồm: Nhu cầu bồi dưỡng bổ sung kiến thức và năng lực của nhân lực phục vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng và những bất cập trong thực tế công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng giai đoạn 2011 đến 2018.

**Từ khóa:** nguồn nhân lực; thể dục thể thao quần chúng; đào tạo.

**Abstract:** By means of routine research methodology, research has analyzed the situation of training human resources for serving development of mass physical training and sport on stage of 2011 to 2018. Research results include: The need to foster additional knowledge and capacity of human resources for the development of mass physical training and sports and inadequacies in the actual training of human resources to serve the development sports for the period 2011 to 2018.

**Keywords:** human resources; mass physical training and sport; training.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển thể dục thể thao (TDTT) quần chúng là một trong những nội dung quan trọng của quản lý nhà nước về TDTT. Để đảm bảo phát triển sự nghiệp TDTT theo đúng định hướng, không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động thể dục, thể thao, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực lớn, đa dạng phong phú bao gồm nhiều lực lượng lao động khác nhau về chuyên môn nghiệp vụ và trình độ đào tạo. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng nhân lực cho TDTT quần chúng, cơ quan quản lý nhà nước về TDTT có trách nhiệm nghiên cứu thực trạng, đánh giá cụ thể những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân nhằm cải tiến công tác đào tạo ngày một tốt hơn.

Quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp phỏng vấn; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp toán học thống kê.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng

Nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng được hình thành từ nhiều nguồn: nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng được đào tạo trước năm 1975 do chế độ cũ đào tạo; nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng do các trường chuyên ngành TDTT đào tạo; số được đào tạo qua các lớp bồi dưỡng ngắn hạn... Sau hơn 30 năm, trải qua thử thách và rèn luyện, nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng của các tỉnh từng bước trưởng thành và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Lớp nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng mới được tuyển dụng sau ngày miền Nam giải phóng được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản là nguồn lực phong phú bổ sung cho các ngành, các cấp. Một số ít nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng trưởng thành trong chiến tranh có lập trường chính trị vững vàng, giữ được phẩm chất, đạo đức cách mạng, trong đó có một bộ

phận không nhỏ có trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, đã đóng góp tích cực cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển TDTT của các tỉnh, thành và ngành TDTT.

Về những kết quả đã đạt được: Nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng của các địa phương trong khu vực đã được củng cố, kiện toàn về nhiều mặt; phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành được nâng lên; hầu hết nhân lực

phục vụ phát triển TDTT quần chúng trong khu vực đã thể hiện được lập trường quan điểm chính trị vững vàng, có tinh thần đoàn kết nhất trí, có tinh thần trách nhiệm trong công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đây là những ưu điểm cơ bản của nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng của các địa phương, đồng thời là các yếu tố, tiền đề vững chắc đảm bảo sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

*Bảng 1. Nhu cầu bồi dưỡng bổ sung kiến thức - kỹ năng các môn chuyên ngành cho nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng (tỷ lệ % ý kiến từ mức trung bình trở lên; n = 691)*

| TT | Lĩnh vực tri thức<br>Nội dung - Môn | Kiến thức lý thuyết % | Kỹ năng thực hành % | Phương pháp giảng dạy - huấn luyện % | Phương pháp tổ chức thi đấu % | Phương pháp trọng tài tuyên truyền % | Phương pháp tuyên truyền, hướng dẫn % |
|----|-------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
| 1  | Thể dục                             | 50,2                  | 54,1                | 52,2                                 | 59,9                          | 53,1                                 | 48,3                                  |
|    | - Thể dục cơ bản                    | 52,2                  | 51,2                | 52,8                                 | 54,7                          | 56,3                                 | 46,5                                  |
|    | - Thể dục dụng cụ                   | 44,9                  | 49,8                | 58,0                                 | 53,3                          | 53,8                                 | 40,7                                  |
|    | - Thể dục đồng diễn                 | 52,5                  | 52,8                | 55,1                                 | 47,0                          | 47,0                                 | 41,5                                  |
|    | - Thể dục thể hình                  | 43,4                  | 45,3                | 47,0                                 | 54,4                          | 40,2                                 | 34,9                                  |
| 2  | Điền kinh                           | 54,3                  | 54,4                | 54,8                                 | 62,8                          | 59,8                                 | 56,6                                  |
|    | - Các môn chạy ngắn                 | 55,6                  | 54,0                | 58,9                                 | 59,0                          | 55,1                                 | 53,5                                  |
|    | - Chạy trung bình - dài             | 57,0                  | 53,4                | 56,3                                 | 58,9                          | 56,0                                 | 51,5                                  |
|    | - Các môn nhảy                      | 53,1                  | 51,2                | 56,2                                 | 56,2                          | 54,6                                 | 51,2                                  |
|    | - Các môn ném đẩy                   | 55,0                  | 54,1                | 58,8                                 | 57,5                          | 57,2                                 | 54,7                                  |
| 3  | Thể thao dưới nước                  | 46,6                  | 46,7                | 46,7                                 | 49,9                          | 44,9                                 | 44,6                                  |
|    | - Các kỹ thuật bơi                  | 49,6                  | 46,0                | 48,2                                 | 48,8                          | 46,5                                 | 45,2                                  |
|    | - Các kỹ thuật lặn                  | 48,2                  | 48,5                | 49,9                                 | 50,9                          | 47,8                                 | 45,7                                  |
| 4  | Các môn võ                          | 46,6                  | 50,9                | 51,2                                 | 48,2                          | 44,4                                 | 40,5                                  |
|    | - Võ dân tộc                        | 48,3                  | 48,0                | 46,7                                 | 45,9                          | 43,6                                 | 41,5                                  |
|    | - Taekwondo                         | 53,7                  | 55,9                | 49,9                                 | 49,5                          | 49,8                                 | 48,9                                  |
|    | - Karatedo                          | 60,2                  | 59,6                | 60,1                                 | 58,9                          | 58,3                                 | 57,3                                  |
| 5  | Bóng đá                             | 55,3                  | 64,5                | 63,4                                 | 62,8                          | 63,7                                 | 63,7                                  |
| 6  | Đá cầu                              | 59,3                  | 61,8                | 61,9                                 | 61,9                          | 65,0                                 | 64,7                                  |
| 7  | Bóng chuyền                         | 63,1                  | 62,1                | 66,7                                 | 61,4                          | 63,7                                 | 55,0                                  |
| 8  | Bóng rổ                             | 55,6                  | 57,0                | 58,3                                 | 60,1                          | 54,7                                 | 48,6                                  |

|    |                   |      |      |      |      |      |      |
|----|-------------------|------|------|------|------|------|------|
| 9  | Bóng bàn          | 66,0 | 64,7 | 66,9 | 64,4 | 66,3 | 59,9 |
| 10 | Bóng ném          | 55,3 | 58,5 | 58,6 | 57,5 | 56,0 | 49,9 |
| 11 | Cầu lông          | 57,7 | 58,6 | 63,1 | 65,0 | 61,4 | 55,6 |
| 12 | Quần vợt          | 54,1 | 58,6 | 58,8 | 57,5 | 58,3 | 52,8 |
| 13 | Cờ vua            | 56,9 | 54,8 | 53,3 | 55,0 | 56,6 | 48,8 |
| 14 | Vật               | 49,2 | 47,6 | 45,2 | 47,3 | 49,3 | 44,6 |
| 15 | Bắn súng          | 52,8 | 52,5 | 54,6 | 54,6 | 53,3 | 44,7 |
| 16 | Thể thao giải trí | 52,7 | 53,5 | 54,7 | 54,7 | 57,7 | 49,8 |

Tổng hợp ý kiến đánh giá về nhu cầu bồi dưỡng nâng cao, cần bổ sung các kiến thức, kỹ năng và phương pháp tổ chức hoạt động các môn TDTT ở cơ sở của nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng các tỉnh trong cả nước cho thấy nhu cầu bồi dưỡng hầu hết ở các môn TDTT gắn bó với hoạt động cơ sở tương đối đồng đều ở mức trung bình (trong khoảng 40 - 60% ý kiến đánh giá ở mức trung bình trở lên). Thực tế trên chứng tỏ nhu cầu hoạt động ở các môn TDTT ở các tỉnh miền Trung đã phát triển đa dạng ở nhiều nội dung khác nhau. Điều đáng

quan tâm ở đây là ngoài các môn thể thao truyền thống được trang bị nhiều trước đây như: điền kinh, thể dục, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, thì nhiều môn thể thao khác, khối lượng ít được trang bị trong quá trình đào tạo vẫn có nhu cầu bồi dưỡng bổ sung ở mức trung bình như: các môn võ, bóng rổ, bóng ném,... và cả những môn mới có trong chương trình đào tạo những năm gần đây như: quần vợt, thể thao giải trí,... vẫn cần trang bị tương ứng để đáp ứng nhu cầu xã hội.

*Bảng 2. Mức độ được trang bị, ứng dụng và nhu cầu bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn lý thuyết cho nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng (từ trung bình trở lên, n = 691)*

| TT | Lĩnh vực/ mức độ<br>Nội dung - môn    | Kiến thức được<br>trang bị - ứng dụng | Kiến thức cần bồi<br>dưỡng, bổ sung |
|----|---------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Triết học - Mác Lênin                 | 69,3                                  | 60,9                                |
| 2  | Kinh tế chính trị                     | 69,5                                  | 56,9                                |
| 3  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam        | 65,8                                  | 63,0                                |
| 4  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                  | 72,6                                  | 64,4                                |
| 5  | Tâm lý học TDTT                       | 77,0                                  | 60,3                                |
| 6  | Giáo dục học                          | 69,6                                  | 54,6                                |
| 7  | Giáo dục học Thể thao                 | 54,3                                  | 64,0                                |
| 8  | Lý luận phương pháp giáo dục thể chất | 73,2                                  | 64,7                                |
| 9  | Quản lý TDTT                          | 61,9                                  | 61,4                                |
| 10 | Lịch sử TDTT                          | 62,8                                  | 61,4                                |
| 11 | Toán học thống kê                     | 56,0                                  | 63,7                                |
| 12 | Đo lường thể thao                     | 51,7                                  | 65,7                                |
| 13 | Phương pháp Nghiên cứu khoa học       | 45,3                                  | 69,8                                |

|    |                      |      |      |
|----|----------------------|------|------|
| 14 | Sinh hóa thể thao    | 49,9 | 64,4 |
| 15 | Sinh cơ thể thao     | 53,4 | 63,8 |
| 16 | Giải phẫu            | 67,3 | 69,0 |
| 17 | Sinh lý học thể thao | 68,7 | 70,5 |
| 18 | Y học thể thao       | 63,2 | 67,7 |
| 19 | Vệ sinh học          | 61,4 | 62,7 |
| 20 | Ngoại ngữ            | 31,1 | 1,2  |
|    | - Tiếng Anh          | 64,5 | 0,9  |
|    | - Tiếng Pháp         | 11,1 | 0,3  |
|    | - Tiếng Nga          | 7,7  | 0,3  |
|    | - Tiếng Trung        | 6,5  | 0,3  |
|    | - Ngoại ngữ khác     | 2,3  | 0,1  |

Tổng hợp ý kiến đánh giá về mức độ kiến thức được trang bị và ứng dụng vào thực tiễn cũng như nhu cầu bồi dưỡng bổ sung ở các môn học lý thuyết trong chương trình đào tạo trước đây từ ý kiến của 691 cán bộ TĐTT ở cơ sở các tỉnh, thành cho thấy phần lớn các môn học đều được trang bị ở mức trung bình và trên trung bình (khoảng 50-70%) ý kiến còn lại một số môn kiến thức được trang bị dưới mức trung bình trước đây nhưng vẫn có nhu cầu bồi dưỡng bổ sung thêm ở mức trên trung bình để đáp ứng nhu cầu mới như: phương pháp NCKH, sinh hóa, sinh cơ thể thao và ngoại ngữ tiếng Anh.

## 2. Những hạn chế trong công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển TĐTT quần chúng so với nhu cầu xã hội

Bên cạnh những kết quả đạt được về chất lượng và hiệu quả, công tác đào tạo và phát triển nhân lực phục vụ phát triển TĐTT quần chúng nước ta vẫn còn tồn tại nhiều bất cập cần khắc phục. Một trong những vấn đề cơ bản đó là thiếu sự gắn kết giữa công tác đào tạo và nhu cầu thực tế về sử dụng nguồn nhân lực. Trong đó có nhiều vấn đề bức xúc còn tồn tại như: cơ cấu đào tạo bất hợp lý; thiếu sự gắn kết giữa đào tạo và sử dụng; chất lượng đào tạo không đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng...

Cơ cấu đào tạo bất hợp lý thể hiện trên cả ba mặt: cơ cấu cấp đào tạo, cơ cấu ngành nghề

đào tạo và cơ cấu vùng miền trong đào tạo.

Cơ cấu cấp đào tạo trong cơ cấu nguồn nhân lực nhu cầu phát triển của bất cứ nước nào cũng phải đảm bảo một cơ cấu hình tháp, tức là tỷ trọng công nhân kỹ thuật là lớn nhất, kế đó là tỷ trọng những người có trình độ đại học và cao đẳng. Theo chuẩn quốc tế hiện nay về quy mô đào tạo, cứ 10 học viên công nhân kỹ thuật thì có 4 người học trung học chuyên nghiệp và một người học cao đẳng, đại học. Nhưng thực tế ở nước ta hiện nay nếu chỉ tính đào tạo dài hạn thì cứ 1 học viên công nhân kỹ thuật có 1,1 người học trung học chuyên nghiệp và có tới 4,3 người học cao đẳng, đại học. Như vậy, ở nước ta điều đó được cảnh báo từ rất lâu nhưng cơ cấu đào tạo vẫn rất bất hợp lý, đó là cơ cấu hình tháp ngược, có sự mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu nguồn nhân lực phục vụ phát triển TĐTT quần chúng.

Cơ cấu ngành nghề đào tạo cũng thể hiện sự bất hợp lý, có sự mất cân đối khá lớn về ngành nghề đào tạo. Hiện nay, trong cơ cấu đào tạo đại học của Việt Nam số học viên theo học khối ngành Giáo dục thể chất rất lớn, ít chú trọng đến các ngành Thể thao giải trí, Truyền thông thể thao, Thể thao biển, các lĩnh vực công nghệ mới trong khi nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển TĐTT quần chúng của các ngành này cũng rất lớn. Các trường TĐTT đa số đều có xu hướng tập trung đào tạo các ngành nghề phổ

biến như: Cử nhân, Cao học Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý thể thao mà ít chú trọng việc đào tạo Cao đẳng, Trung cấp, Chứng chỉ nghề... Điều này dẫn tới có những ngành thừa rất nhiều lao động nhưng có những ngành lại thiếu trầm trọng.

Cơ cấu vùng miền cũng thể hiện sự bất hợp lý. Sự khác nhau về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội là nguyên nhân dẫn tới sự bất hợp lý của cơ cấu đào tạo theo vùng miền. Hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học TDDT chỉ mới tập trung ở một số trung tâm văn hóa kinh tế lớn chưa phát triển ở các tỉnh, địa phương. Điều này gây nên sự thiếu hụt nghiêm trọng về lao động có tay nghề ở những vùng kinh tế kém phát triển.

Cùng với cơ cấu đào tạo bất hợp lý thì sự tách rời giữa đào tạo và sử dụng cũng là một vấn đề cần quan tâm. Có một thực tế lớn hiện nay là lao động cần việc làm nhưng khó xin việc vì tay nghề chuyên môn yếu. Đơn vị sử dụng nguồn nhân lực cần lao động nhưng không tuyển dụng được vì có quá ít lao động có kĩ năng. Điều này là do thiếu sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo với các đơn vị sử dụng. Trên thế giới ở những nước phát triển, các trường dạy nghề đa số đều nằm trong các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực và mang lại hiệu quả rất cao. Tuy nhiên, mô hình cơ sở đào tạo trong các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay mới chỉ dừng lại ở những con số hạn chế, quy mô nhỏ hẹp, chủ yếu đào tạo nhân lực để làm việc cho đơn vị hành chính hoặc sự nghiệp thuộc quản lí Nhà nước. Ngoài ra, mô hình đơn vị sử dụng nguồn nhân lực cử người đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo hoặc liên kết với các cơ sở này trong việc đào tạo nguồn nhân lực của chúng ta hiện nay là ít xảy ra, một phần do năng lực đào tạo của các cơ sở còn hạn chế, chưa tạo được lòng tin với các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực. Đây là nguyên nhân dẫn tới tình trạng lao động đã qua đào tạo nhưng thiếu kiến thức thực tế, năng lực hành nghề không cao. Người học chủ yếu chỉ học trên lý thuyết mà ít được tiếp xúc với các công cụ thực hành, không có sự kèm cặp chỉ bảo và truyền đạt kinh nghiệm của

các “giáo viên thực hành” là đội ngũ Huấn luyện viên.

Cũng do sự thiếu hợp tác giữa các cơ sở đào tạo với các đơn vị sử dụng dẫn tới tình trạng lao động làm việc ở các lĩnh vực trái với chuyên ngành đào tạo diễn ra phổ biến. Việc này có thể lý giải có nguyên nhân từ việc cơ cấu đào tạo của chúng ta chưa gắn với nhu cầu sử dụng lao động trong các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực. Ngoài ra, có thể thấy các kiến thức đào tạo trong các ngành là khá chung chung nên việc chuyển đổi từ công việc này sang công việc khác cũng là chuyện thường xảy ra.

Sự tách rời giữa đào tạo và sử dụng còn do chương trình, nội dung đào tạo mang tính áp đặt, không gắn với nhu cầu thực tế. Đây là một trong những vấn đề nổi cộm và bức xúc nhất trong giáo dục đại học tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển TDDT quần chúng của chúng ta hiện nay. Với quy định về khung chương trình đào tạo, trong đó quy định số lượng các học phần bắt buộc gồm các môn học về chính trị, tư tưởng chiếm một tỷ trọng khá lớn ở tất cả các ngành đào tạo đại học. Điều này cũng làm giảm khả năng trang bị các kiến thức cần thiết, khiến chất lượng sinh viên ra trường bị giảm sút, thiếu khả năng thực hành, thiếu gắn kết với yêu cầu về sử dụng.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực hiện nay cơ bản đáp ứng được những yêu cầu về hình thức đào tạo, phương pháp giảng dạy và chương trình đào tạo. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại rất nhiều những khiếm khuyết. Việc xác định nhu cầu đào tạo gặp rất nhiều khó khăn do người học vẫn chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của nhân lực phục vụ phát triển TDDT quần chúng. Nhân lực phục vụ phát triển TDDT quần chúng vẫn chưa vượt qua định kiến về khoa cử bằng cấp, danh vị xã hội, do đó nhu cầu về kĩ thuật viên rất lớn, nhưng số lượng tuyển sinh học Chứng chỉ, Trung cấp, Cao đẳng lại thấp. Mặt khác, nhu cầu đào tạo hiện nay không xuất phát từ nhu cầu thực tế mà từ nhu cầu lên lương, lên chức dẫn đến người đáng được đi đào tạo thì không được mà bộ phận đi đào tạo về lại không sử dụng. Tình trạng trên dẫn đến hiện tượng

thiếu tuyệt đối nhân lực phục vụ phát triển TDTT quần chúng lành nghề nhưng lại thừa tương đối những người có qua đào tạo nhưng trình độ chuyên môn yếu. Trong quá trình tổ chức các lớp đào tạo các phương pháp khoa học mang tính khách quan để đánh giá nhu cầu đào tạo rất ít được sử dụng. Phần lớn nhu cầu đào tạo đều do kinh nghiệm chủ quan của bộ phận phụ trách đào tạo của tổ chức nêu ra. Việc thu hút và mời các nhà cung cấp các chương trình đào tạo đánh giá nhu cầu đào tạo thực sự rất ít khi được thực hiện. Nhiều khi đào tạo không phải là giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề của tổ chức, nhưng những lớp học vẫn được tổ chức thực hiện.

Hình thức đào tạo phổ biến và hiệu quả trên thế giới hiện nay được rất nhiều các nước phát triển áp dụng là mô hình trường TDTT thuộc đơn vị sử dụng nguồn nhân lực. Ở nước ta hình

thức đào tạo này vẫn chưa được chú trọng đúng mức, thời gian gần đây mới bước đầu được xem xét và thử nghiệm ở một số đơn vị sử dụng nguồn nhân lực. Việc lựa chọn hình thức đào tạo không phù hợp đó dẫn tới tốn kém về chi phí, chất lượng đào tạo không cao.

### KẾT LUẬN

- Kết quả nghiên cứu đã xác định được nhu cầu cần đào tạo, bổ sung thêm kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành ở một số môn thể thao cho cán bộ làm công tác TDTT quần chúng nói riêng và cán bộ TDTT ở các địa phương trên toàn quốc nói chung.

- Sau khi phân tích được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã thông tin sơ bộ về những bất cập trong công tác đào tạo cán bộ TDTT ở các cơ sở đào tạo so với nhu cầu của xã hội hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao sơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030*.
- [2]. Đặng Quốc Nam (2006), *Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa nhằm khai thác tiềm năng để phát triển TDTT quần chúng ở TP. Đà Nẵng*, Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học TDTT.
- [3]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2006), *Luật TDTT* (Luật số 72/2006/QH ngày 29/11/2006).
- [4]. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 về việc “phê duyệt Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020”*.

#### Các tài liệu nước ngoài:

- [5]. Packianathan Chelladurai (2006), *Human resource management in sport and recreation*, Human Kinetics, 2<sup>nd</sup> edition, Ohio, USA.
- [6]. 袁旦。群众体育的理论基础。中国群众体育现状调查组。中国群众体育现状调查与研究。北京体育大学出版社，1998年12月：7 - 18。  
(Yuan Dan (1998), *Cơ sở lý luận của TDTT quần chúng, Nghiên cứu điều tra hiện trạng TDTT quần chúng Trung Quốc*, NXB Đại học TDTT Bắc Kinh.)